

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29-01-2018

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN TP ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Hoan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Á
Ông Huỳnh Bá Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Bích Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2017/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2017, về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐST- HNGĐ ngày 09/01/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Lê Thị H**, sinh năm: 1958; trú tại: Phường M, quận N, TP. Đà Nẵng - Có mặt.

Bị đơn: **Ông Trần Văn X**, sinh năm: 1950; trú tại: Phường M, quận N, TP. Đà Nẵng - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/9/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông X có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 1976 nhưng không đăng ký kết hôn. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau tại phường M, quận N, TP. Đà Nẵng nhưng đến năm 2007 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng trong cuộc sống, chồng thường xuyên đánh đập bà. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến

nay (ở riêng và ăn riêng). Hiện nay hai vợ chồng không còn phù hợp nhau về mọi mặt. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông X.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung Trần Văn H1, sinh năm 1977, Trần Ngọc Thanh T, sinh năm 1980, Trần Ngọc Thanh A, sinh năm 1982 và Trần Ngọc Thanh D, sinh năm 1989. Nay các con đã thành niên nên không đề cập đến.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Trần Văn X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông xác nhận trước đây ông và bà H có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 1976 nhưng không đăng ký kết hôn. Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông không đồng ý, vì ông thấy vợ chồng đã lớn tuổi, con cái cũng đã trưởng thành có gia đình riêng. Vợ chồng ly hôn sẽ ảnh hưởng đến uy tín, tương lai của các con.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung Trần Văn H1, sinh năm 1977, Trần Ngọc Thanh T, sinh năm 1980, Trần Ngọc Thanh A, sinh năm 1982 và Trần Ngọc Thanh D, sinh năm 1989. Nay các con đã thành niên nên không đề cập đến.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, khẳng định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án. Cơ bản, đương sự đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp ly hôn” của bà Lê Thị H đối với ông Trần Văn X. xét cho bà Lê Thị H được ly hôn đối với ông Trần Văn X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về hôn nhân:* Bà Lê Thị H đối với ông Trần Văn X tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1976 nhưng không đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân thực tế được hướng dẫn tại Nghị quyết số 35/2000 NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 18/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hôn nhân giữa bà H và ông X là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông X tồn tại nhưng không thực sự hạnh phúc. Bà H cho rằng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông X thường xuyên đánh đập bà. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến

nay. Nay bà không còn tình cảm gì với ông X nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông X.

Ông X không đồng ý ly hôn vì cho rằng vợ chồng đã lớn tuổi, con cái cũng đã trưởng thành có gia đình. Vợ chồng ly hôn sẽ ảnh hưởng đến uy tín của các con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành và tại phiên tòa bà H vẫn một mực giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn đối với ông X. Xét thấy, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã đến mức không thể hàn gắn được. Kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, mặc dù ông X không muốn ly hôn nhưng khoảng thời gian giải quyết vụ án là rất dài mà ông X vẫn không thuyết phục được vợ mình tiếp tục sống chung để xây dựng hạnh phúc gia đình. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã đến mức không thể hàn gắn được và qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện vợ chồng ông X, bà H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Do đó, HĐXX xét thấy không có cơ sở để chấp nhận nguyện vọng “không đồng ý ly hôn” của ông X mà cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho bà H được ly hôn với ông X là thỏa đáng.

[2] *Về con chung*: Vợ chồng có 04 con chung Trần Văn H1, sinh năm 1977, Trần Ngọc Thanh T, sinh năm 1980, Trần Ngọc Thanh A, sinh năm 1982 và Trần Ngọc Thanh D, sinh năm 1989. Nay các con đã thành niên nên không đề cập đến.

[3] *Về tài sản chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án cả bà H và ông X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Bà H và ông X xác nhận không có nợ chung nên không đề cập đến.

[4] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 147, 227, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án; Nghị quyết số 35/2000 NQ - QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT- TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 18/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp.

Tuyên bố: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” của bà Lê Thị H đối với ông Trần Văn X;

Tuyên xử:

[1] **Về hôn nhân:** Bà Lê Thị H được ly hôn ông Trần Văn X.

[2] **Về con chung:** Không đề cập đến.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ bà Lê Thị H phải chịu. Nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004450 ngày 09/10/2017, tại cơ quan Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Chi cục THADS quận NHS;
- UBND phường Mỹ An;
- VKSND quận NHS;
- Lưu hồ sơ.

Trần Công Hoan